

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06-6-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Nguyễn Hoài Thương

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai - *Kiểm sát viên*

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Văn Thị Minh H, sinh năm: 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Ông Trương Hữu D, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Văn Thị Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H tự nguyện chung sống với ông Trương Hữu D và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước vào năm 2016. Trước khi kết hôn hai bên đã tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên đã sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Nay bà H xin ly hôn với ông D

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Gia B, sinh ngày: 14/12/2017. Khi ly hôn, bà H xin được nuôi con không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà H không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

- Về tài sản chung: Trước khi kết hôn bà H và ông D không bên nào có tài sản riêng. Tài sản chung hiện nay cũng không có.

- Về nợ: Bà H và ông D không nợ ai cũng không ai nợ lại.

Đối với bị đơn, ông Trương Hữu D

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt làm việc. Theo biên bản xác minh ngày 10/4/2018 của Tòa án xác minh tại Công an xã L xác định: Ông Trương Hữu D có đăng ký hộ khẩu tại ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Hiện vẫn còn hộ khẩu và còn sinh sống tại địa phương.

Trên cơ sở các tài liệu đã thu thập, xác minh, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ và cũng không có mặt theo các thông báo, quyết định của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành pháp luật, Tòa án đã tiến hành triệu tập theo luật định. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Văn Thị Minh H

+ Về hôn nhân: Bà Văn Thị Minh H được ly hôn với ông Trương Hữu D.

+ Về con chung: Giao con tên Trương Gia B, sinh ngày: 14/12/2017 cho bà H nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

+ Về án phí: Bà H chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà Văn Thị Minh H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trương Hữu D, đồng thời giải quyết về con chung giữa bà H và ông D. Xét ông D cư trú tại xã L, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện L thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông D tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân xã L nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như thông báo về kết quả phiên họp. Tuy nhiên, bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ, cũng không có lời khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có mặt tại phiên tòa, nên HĐXX căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được để xem xét, giải quyết vụ án.

[4] Căn cứ lời khai của bà H thì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã phát sinh từ tháng 02 năm 2017 do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay. Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định không còn tình cảm với ông D. Đối với ông D, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông D không đến làm việc cũng như tham gia hòa giải để đưa ra ý kiến và biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông D đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[5] Về con chung: Bà H và ông D có 01 con chung tên Trương Gia B, sinh ngày: 14/12/2017. Khi ly hôn, bà H xin được nuôi con không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu B hiện dưới 36 tháng tuổi và sống chung với bà H từ khi bà H và ông D ly thân cho đến nay, nên giao cháu B cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[9]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị Minh H

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Văn Thị Minh H và ông Trương Hữu D

2. Về con chung: Giao con tên Trương Gia B, sinh ngày: 14/12/2017 cho bà H nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà H chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0005741 ngày 19/3/2018.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Điền;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Duyên